

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÀ PHÊ GIA LAI**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thống Nhất, ngày 27 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần cà phê Gia Lai**

-Mã chứng khoán: FGL

-Địa chỉ trụ sở chính: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu- Phường Thống Nhất, Tỉnh Gia Lai.

-Điện thoại: 02693 824760 fax: 02693 822847

-Người thực hiện công bố thông tin: Bà Bùi Thị Bích Hương, là người được ủy quyền công bố thông tin.

2. Nội dung thông tin công bố:

- Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 và theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán gần nhất, chốt tại ngày 17/03/2026, công ty cổ phần Cà phê Gia Lai (FGL) chưa đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 1.a Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 11.a Điều 1 Luật số 56/2024/QH15, cụ thể: không đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ đối với công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và không đảm bảo tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải cổ đông lớn nắm giữ

3. Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty ngày 27/03/2026 tại địa chỉ :
<http://gialaicoffee.com.vn/quanhecodong>.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

-Như kính gửi,

-Lưu: VT - CBTT.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

Bùi Thị Bích Hương

Số: 20./TB-FGL

Thống Nhất, ngày 17 tháng 03 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc không đáp ứng điều kiện Công ty đại chúng của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính (gọi tắt “Luật số 56/2024/QH15”);
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Thông tư số 19/2025/TT-BTC ngày 05/05/2025 Quy định việc đăng ký công ty đại chúng, hủy tư cách công ty đại chúng, báo cáo về vốn điều lệ đã góp được kiểm toán;
- Văn bản số VNMEETVSDF012219/VSDFGFLXX ngày 17/03/2026 của Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam về việc cung cấp danh sách người sở hữu chứng khoán FGL tại thời điểm ngày 17/03/2026;

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (Mã chứng khoán: FGL) trân trọng thông báo một số nội dung như sau:

1. Theo quy định tại Điều 32 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021, quy định các điều kiện trở thành công ty đại chúng. Theo đó công ty đại chúng phải đáp ứng điều kiện về mức vốn điều lệ đã góp từ 30 tỉ đồng trở lên và có tối thiểu là 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải là cổ đông lớn nắm giữ.

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 của Công ty cổ phần Cà phê Gia Lai, mức vốn điều lệ đã góp của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 là 7.985.702.199 đồng. Như vậy, công ty không đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ đối với công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.

2. Thực hiện quy định tại Khoản 1d Điều 11 và Khoản 15 Điều 1 của Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14. Tính tới thời điểm hiện tại, theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán gần nhất, chốt tại ngày 17/03/2026 của công ty cổ phần Cà phê Gia Lai (“FGL”): Tổng số lượng cổ đông là 186

người, tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 146.763.000 cổ phiếu (tương đương vốn điều lệ là 146.763.000.000 đồng). Trong đó:

- **05** cổ đông lớn nắm giữ **96,463%** tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết, tương ứng: **14.157.219** cổ phần.

- **181** cổ đông còn lại nắm giữ **3,537%** tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết, tương ứng: **519.081** cổ phần.

Như vậy, căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 và theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán gần nhất, chốt tại ngày 17/03/2026, công ty cổ phần Cà phê Gia Lai (FGL) chưa đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 1.a Điều 32 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 11.a Điều 1 Luật số 56/2024/QH15, cụ thể: không đáp ứng điều kiện về vốn điều lệ đối với công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và không đảm bảo tối thiểu 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 nhà đầu tư không phải cổ đông lớn nắm giữ.

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai cam kết tiếp tục thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Công ty đại chúng cho đến khi nhận được thông báo chính thức của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước về việc chấm dứt tư cách Công ty đại chúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT. HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT
Trịnh Quang Hưng



DANH SÁCH TỔNG HỢP NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN QUYỀN

Kính gửi: Công ty cổ phần Cà phê Gia Lai

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Cà phê Gia Lai

Mã chứng khoán: VN000000FGL7/FGL

Mã quyền mua: VN000000FGL7/FGL

Mã chứng khoán bị chuyển đổi (mã chứng khoán mục tiêu):

Loại quyền: MEETST Shareholder's meeting

Ngày ĐKCC: 17/03/2026

Tỷ lệ phân bổ quyền: ABST-1, CONN-1, CONY-1

Tỷ lệ thực hiện: ABST-1, CONN-1, CONY-1

ST T	Họ và tên	Mã định danh NĐT (SID)	Mã nhà đầu tư (Investor code)	Số ĐKSH	Ngày cấp	Địa chỉ	Email	Điện thoại	Quốc tịch	Số lượng chứng khoán nắm giữ			Số lượng quyền phân bổ *		
										Chưa lưu ký	Lưu ký	Tổng cộng	Chưa lưu ký	Lưu ký	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
I. MÔI GIỚI TRONG NƯỚC															
I. Cá nhân															
1.1	BÙI THỊ NGOT	230608509546535	23060850954653	033166011995	12/08/2021	Thôn Tân Sơn, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	01659839370	Việt nam	0	600	600	0	600	600
1.2	BÙI THỊ XUYỀN	221103609546536	22110360954653	036180010667	10/04/2021	Thôn Văn Yên, Xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0932477831	Việt nam	0	600	600	0	600	600
1.3	BÙI TRỌNG MAI	230209609561357	23020960956135	042069001860	19/04/2021	Thôn 8, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai			Việt nam	0	684	684	0	684	684
1.4	Bùi Thị Xuân	181130506585789	18113050658578	230724896	08/05/2018	Thôn Tân Sơn, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai		0349955504	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.5	Bùi Thị Định	181129206585799	18112920658579	230805336	18/09/2017	Làng Bết, Ia Bả, Ia Grai, Gia Lai		01688055819	Việt nam	0	200	200	0	200	200
1.6	CHÂU THỊ KIM HIỀN	230912109546537	23091210954653	051187001334	10/04/2021	Thôn Chư Hết, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0337523019	Việt nam	0	400	400	0	400	400
1.7	Cao Thị Hoài My	250311317428168	25031131742816	066192016887	12/05/2022	96/01/01 Phạm Văn Đồng, Tổ 1, Hoa Lư, Gia Lai	0905248168		Việt nam	0	241.600	241.600	0	241.600	241.600
1.8	DƯƠNG MUỖI MUỖI	230314112226392	23031411222639	079142001681	12/02/2023	Trưng - Đồng Thanh, Hồ Chí Minh	khavuc09@gmail.com	0909091037	Việt nam	0	12	12	0	12	12
1.9	DƯƠNG NGỌC ANH	230906209546538	23090620954653	064095001444	05/04/2021	Thôn Hưng Bình Tân Hợp, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0965137567	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.10	DƯƠNG THỊ LỆ HẰNG	221103309546539	22110330954653	042179001760	31/03/2021	Thôn Lập Thành, Xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0343678258	Việt nam	0	900	900	0	900	900
1.11	Dương Văn Thiện	181128206585825	18112820658582	230951441	08/02/2017	Thôn Tân Sơn, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai		0964177669	Việt nam	0	400	400	0	400	400
1.12	HOÀNG THỊ BÌNH	221103409546540	22110340954654	042172001407	06/04/2021	Thôn Lập Thành, Xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	01656609878	Việt nam	0	1.700	1.700	0	1.700	1.700
1.13	HOÀNG THỊ HIỀN	230912509546541	23091250954654	042174001355	10/04/2021	Thôn Lập Thành, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0984665267	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.14	HOÀNG THỊ NGÀ	230907109546527	23090710954652	045164006621	09/08/2021	Thôn Chư Hết, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0905186818	Việt nam	0	2.500	2.500	0	2.500	2.500
1.15	HOÀNG THỊ TIẾN	221103109546543	22110310954654	042172001408	06/04/2021	Thôn Lập Thành, Xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0399540595	Việt nam	0	2.200	2.200	0	2.200	2.200
1.16	HOÀNG VĂN HẢO	230906509546529	23090650954652	064093000858	06/04/2021	Thôn Văn Yên, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0348040932	Việt nam	0	600	600	0	600	600
1.17	HUỖNH THỊ BẢO GIA	221103209546544	22110320954654	052176001052	06/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0974204199	Việt nam	0	800	800	0	800	800
1.18	Hoa Duy Hiệp	22121409546528	2212140954652	064091001070	13/04/2021	15 Trưng Chinh, Thành Phố Pleiku, Gia Lai	hoashyhep1991(at)gmail.com	0938882430	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.19	Hoàng Bảo Việt	181128606585828	18112860658582	230951534	26/05/2010	Thôn Tân Hợp, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai		0348163797	Việt nam	0	200	200	0	200	200
1.20	Hoàng Công Minh Đức	240926416179899	24092641617989	070705202740	22/05/2022	373/1/36 THÔNG NIAT, P.11, Q. GÒ VẤP, TP. HCM		0903306249	Việt nam	0	600	600	0	600	600
1.21	Hoàng Thị Thảo	000101609546542	00010160954654	040180006442	17/04/2021	Thôn Tân Sơn, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai			Việt nam	600	0	600	600	0	600
1.22	Hoàng Thị Tuyết	181128106585860	18112810658586	231128168	10/04/2018	Thôn Chư Hết, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai		0328317126	Việt nam	0	500	500	0	500	500
1.23	HÀ THỊ TUYẾT	221114311774819	22111431177481	045167000301	31/03/2021	Thôn Lập Thành, Xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0974581145	Việt nam	300	0	300	300	0	300
1.24	HÀ ĐÌNH PHIÊN	221103409546552	22110340954655	030084014241	10/04/2021	Thôn Lập Thành, Xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0935119266	Việt nam	0	800	800	0	800	800
1.25	Hà Giang Nam	180716126379604	18071612637960	231082736	13/03/2013	Thôn 3, Ia Pal, Chư Sê, Gia Lai		01667729709	Việt nam	0	147	147	0	147	147
1.26	HỒ THỊ LÂN	230612109546555	23061210954655	045174000918	17/04/2021	Thôn Tân Sơn, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai		0988374667	Việt nam	0	1.100	1.100	0	1.100	1.100
1.27	HỒ THỊ SỬ	221114209546556	22111420954655	045169000357	31/03/2021	Thôn Lập Thành, Xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	01682956078	Việt nam	0	800	800	0	800	800
1.28	Hồ Phạm Thuý	221209609546530	22120960954653	042068001069	31/03/2021	Thôn Lập Thành, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	01697860990	Việt nam	0	600	600	0	600	600
1.29	Hồ Thị Mai	221117609546554	22111760954655	042172013266	28/06/2021	Thôn Văn Yên, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0942528717	Việt nam	0	1.500	1.500	0	1.500	1.500
1.30	Hồ Thị Thuận	180919606526083	18091960652608	230727042	19/04/2010	Thôn Chư Hết, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai		0935918900	Việt nam	0	200	200	0	200	200
1.31	Hồ Thị Thảo	181119206585762	18111920658576	230617470	16/02/2016	Thôn Tân Sơn, xã Ia Bả, Ia Grai, Gia Lai		0973247348	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.32	Ksor P Lát	181129406585788	18112940658578	230724529	18/05/2012	Làng Bô 1, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai		0905873980	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.33	LÊ MINH CÔNG	221103109546531	22110310954653	064091001493	19/04/2021	Thôn Chư Hết, xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0941779626	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.34	LÊ MINH TRUNG	241104016518242	24110401651824	080094001459	16/04/2021	Ấp 6, Xã An Thạnh, Bến Lức, Long An	hcm167199@gmail.com	0976456555	Việt nam	0	400	400	0	400	400
1.35	LÊ THANH TÙNG	230608309546557	23060830954655	045075000418	31/03/2021	Thôn Lập Thành, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai		0977335397	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.36	LÊ THỊ HỒNG THAM	230906309546533	23090630954653	064196001593	19/04/2021	Thôn Tân Sơn, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0357428246	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.37	LÊ THỊ KHÁNH HÒA	221027309546559	22102730954655	049189004571	28/06/2021	Thôn Tân Hợp, xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	01686195625	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.38	LÊ THỊ LAN	230830409546560	23083040954656	036172008743	31/03/2021	Thôn Lập Thành, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0976292186	Việt nam	0	1.200	1.200	0	1.200	1.200
1.39	LÊ THỊ LIÊU	230612509546561	23061250954656	045193004941	28/06/2021	Thôn Hưng Bình, Ia Bả, Ia Grai, Gia Lai		0972938120	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.40	LÊ THỊ QUY	230830609546562	23083060954656	064183001013	03/04/2021	Thôn Tân Sơn, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0345272057	Việt nam	0	200	200	0	200	200
1.41	LÊ VĂN DUY	230906509546574	23090650954657	064094009819	28/06/2021	Thôn Tân Sơn, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0395280181	Việt nam	0	200	200	0	200	200
1.42	LÊ VĂN KHÁNH	230608209546564	23060820954656	045078000434	31/03/2021	Thôn Lập Thành, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0354718166	Việt nam	0	500	500	0	500	500
1.43	LÊ VĂN TIỂU	221103309546565	22110330954656	036074009908	10/04/2021	Thôn Chư Hết, xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0353143102	Việt nam	0	600	600	0	600	600
1.44	LÊ VĂN TRUNG	230612409546566	23061240954656	042066002667	25/04/2021	Thôn Pằng go, Ia Bả, Ia Grai, Gia Lai		0973583773	Việt nam	0	2.300	2.300	0	2.300	2.300
1.45	Là Ngọc Bích	180716506379622	18071650637962	230566975	11/07/2018	Thôn 1, Ia Pal, Chư Sê, Gia Lai		0775421205	Việt nam	0	147	147	0	147	147
1.46	Là Ngọc Bích	221216309546551	22121630954655	038070011783	29/03/2021	Thôn 1, Ia Pal, Chư Sê, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0775421205	Việt nam	600	0	600	600	0	600
1.47	Lê Quang Đạo	000101209546532	00010120954653	064083006113	28/06/2021	Thôn 1, Ia Pal, Chư Sê, Gia Lai			Việt nam	100	0	100	100	0	100
1.48	Lê Thị Bà Pháp	181130106585852	18113010658585	231066782	29/06/2011	Thôn Chư Hết, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai		0988202001	Việt nam	600	0	600	600	0	600
1.49	Lê Thị Hiền	181129106585846	18112910658584	231058282	20/04/2011	Thôn Hợp Nhât, Ia Bả, Ia Grai, Gia Lai		01644453735	Việt nam	400	0	400	400	0	400
1.50	Lê Thị Hiền	230407409546558	23040740954655	042178001486	31/03/2021	Thôn Lập Thành, xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0364530433	Việt nam	0	400	400	0	400	400
1.51	Lê Thị Nhi	240819515811196	24081951581119	079160002606	27/09/2022	250 Đường Liễu Bình Hương, Ấp Tân Thành, xã Tân Thông Hội, Củ Chi		0	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.52	Lê Thị Nhân	230427012441108	23042701244110	079162010145	26/09/2022	Xã Tân Thông Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	LENHAN020262@GM.AIL.COM	0908234128	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.53	Lê Thị Vang	221220109546563	22122010954656	064185001079	10/04/2021	Thôn Lập Thành, xã Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0964259968	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.54	Lê Văn Nhung	181129306585833	18112930658583	230968215	22/02/2010	Thôn 6, Ia Nhut, Chư Pawh, Gia Lai		0388113601	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.55	Lê Văn Được	180720126441504	18072012644150	231057705	04/04/2011	Thôn 2, Xã Ia Tô, Huyện Ia Grai, Gia Lai		0976797827	Việt nam	0	147	147	0	147	147



1.58	NGUYỄN HỮU DẠT	230316129546568	230316129546568	042097009804	28/06/2021	905 Lê Đức Thọ, Phường 16, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	datnh1997@tgmil.com	0978984243	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.59	NGUYỄN SINH DŨNG THANG	191017006875972	191017006875972	001072018688	21/12/2018	Trần Duy Hưng - P. Trung Hòa - Q Cầu Giấy - TP Hà Nội, Việt Nam	sinhthang(A)Tgmil.com	0388116688	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.60	NGUYỄN THỊ HOA	221111309546572	221111309546572	045173000337	31/03/2021	Xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0976354014	Việt nam	0	500	500	0	500	500
1.61	NGUYỄN THỊ MINH HIỀN	240920416123950	240920416123950	079177001292	18/05/2023	27/3C - nhà Cống Trùng - Đồng Thành, Hồ Chí Minh	khuvuon05@gmail.com	0909091037	Việt nam	0	12	12	0	12	12
1.62	NGUYỄN THỊ MINH ĐỨC	230314012226390	230314012226390	079180011069	08/02/2023	Trùng - Đồng Thành, Hồ Chí Minh	khuvuon07@gmail.com	0909091037	Việt nam	0	12	12	0	12	12
1.63	NGUYỄN THỊ NGHĨA	230612309546607	230612309546607	044185005315	25/04/2021	Thôn Hợp Nhứt, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0988154392	Việt nam	0	600	600	0	600	600
1.64	NGUYỄN THỊ NHƯNG	230912109546570	230912109546570	042182004376	25/04/2021	Thôn Trầm Trầm, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0988182479	Việt nam	0	400	400	0	400	400
1.65	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THANH	230911613220553	230911613220553	049190003722	11/01/2022	KHOI PHO 5, AN SON, THANH PHO TAM KY, QUANG NAM	Phuongthanhumile1990(at)gmail.com	0908421280	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.66	NGUYỄN THỊ THANH	230912409546608	230912409546608	040174033724	28/09/2021	Thôn Chư Hui 5, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0379588389	Việt nam	0	700	700	0	700	700
1.67	NGUYỄN THỊ THU VÂN	191016006875042	191016006875042	164668456	25/11/2014	bình yên -ninh Khánh	thuvanhb(at)gmail.com	0917383683	Việt nam	0	2.876.798	2.876.798	0	2.876.798	2.876.798
1.68	NGUYỄN THỊ THANH LÊ	230913609546610	230913609546610	045185000511	31/03/2021	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0369510513	Việt nam	0	200	200	0	200	200
1.69	NGUYỄN THỊ THUY KIỆU	230912109546611	230912109546611	045184010221	28/06/2021	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0932419879	Việt nam	0	400	400	0	400	400
1.70	NGUYỄN THỊ THẢO	181119126585823	181119126585823	230951019	27/07/2015	166 Khanh Hội P6 Q4	thaotn.110.9.4(at)gmail.com	0972886837	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.71	NGUYỄN THỊ THỜI	230912309546613	230912309546613	064170000377	10/04/2021	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0961483593	Việt nam	0	800	800	0	800	800
1.72	NGUYỄN THỊ TÚ TRINH	230608409546614	230608409546614	064196012981	28/06/2021	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0975482297	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.73	NGUYỄN THỊ TÝ	230912109546576	230912109546576	042189002142	10/04/2021	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0396805175	Việt nam	0	400	400	0	400	400
1.74	NGUYỄN THỊ VINH	230612209546577	230612209546577	040187008949	17/04/2021	Thôn Hợp Nhứt, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0966732517	Việt nam	0	500	500	0	500	500
1.75	NGUYỄN THỊ YẾN	230913309546578	230913309546578	042182004362	17/04/2021	Thôn Trầm Trầm, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0373558147	Việt nam	0	200	200	0	200	200
1.76	NGUYỄN TRUNG KIẾN	230913509546580	230913509546580	042071002920	17/04/2021	Thôn Trầm Trầm, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0989233571	Việt nam	0	2.000	2.000	0	2.000	2.000
1.77	NGUYỄN VĂN CHUYỀN	221114209546583	221114209546583	001068021459	10/04/2021	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0985579404	Việt nam	0	1.000	1.000	0	1.000	1.000
1.78	NGUYỄN VĂN MẪU	230906109546582	230906109546582	040072002468	10/04/2021	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0964259968	Việt nam	0	600	600	0	600	600
1.79	NGUYỄN VĂN QUÂN	180716126379274	180716126379274	064085011130	20/05/2015	Thôn An Điền, Xã Ia Bông	quancafe(at)gmail.com	0987917168	Việt nam	0	147	147	0	147	147
1.80	NGUYỄN VĂN SAN	221103309546584	221103309546584	045064000389	06/04/2021	Thôn Lập Thành, Xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0378147675	Việt nam	0	500	500	0	500	500
1.81	NGUYỄN XUÂN TỬ	230913509546586	230913509546586	045071000938	17/04/2021	Thôn Trầm Trầm, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0988374667	Việt nam	0	2.000	2.000	0	2.000	2.000
1.82	NGÔ HẢI VÂN	230913609546587	230913609546587	045070006633	30/08/2021	Thôn Trầm Trầm, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0368763781	Việt nam	0	2.000	2.000	0	2.000	2.000
1.83	NGÔ QUANG ĐỒNG	221103109546588	221103109546588	040070003005	13/04/2021	Thôn Lập Thành, Xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0983303896	Việt nam	0	500	500	0	500	500
1.84	NGÔ QUANG HÙNG	230830609546526	230830609546526	040066002766	19/04/2021	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0935511736	Việt nam	500	0	500	0	500	500
1.85	Nguyễn Công Nam	180719126439398	180719126439398	230523255	18/05/2010	04/54 Tuổi Tinh, Pleiku, Gia Lai	namcaphe(at)gmail.com	02093871985	Việt nam	0	2	2	0	2	2
1.86	Nguyễn Hữu Quyền	24042461479279	24042461479279	070087001572	05/04/2021	Thôn 9, Xã Long Hà, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước	khongco(at)gmail.com	0978554884	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.87	Nguyễn Phi Hùng	181119406585734	181119406585734	230513463	18/03/2015	Thôn Thằng Trạch 1, Ia Kha, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0963221459	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.88	Nguyễn Quang Vinh	000101609546569	000101609546569	045096000285	19/04/2021	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0988374667	Việt nam	200	0	200	0	200	200
1.89	Nguyễn Sỹ Hồng	181129506585844	181129506585844	231057381	10/03/2016	Thôn Trầm Trầm, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0386787351	Việt nam	0	2.000	2.000	0	2.000	2.000
1.90	Nguyễn Thành Hiền	250311417428169	250311417428169	064087010399	28/06/2021	799 Trường Chinh, Chi Lăng, Pleiku, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0905281155	Việt nam	0	168.870	168.870	0	168.870	168.870
1.91	Nguyễn Thị Bé Nương	181130206585793	181130206585793	230756722	06/08/2021	Thôn Phú Tiến, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0392292276	Việt nam	200	0	200	0	200	200
1.92	Nguyễn Thị Cương	221215209546571	221215209546571	045176000663	13/04/2021	Thôn Hợp Nhứt, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0386406460	Việt nam	0	700	700	0	700	700
1.93	Nguyễn Thị Hà	181130506585866	181130506585866	231157016	25/02/2014	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0334281676	Việt nam	0	400	400	0	400	400
1.94	Nguyễn Thị Kim Oanh	000101409546573	000101409546573	064188009752	10/05/2021	Tổ 7, P. Thống nhất, Típ Pleiku Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0988374667	Việt nam	500	0	500	0	500	500
1.95	Nguyễn Thị Linh	230316109546605	230316109546605	046173001498	21/03/2021	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0988374667	Việt nam	0	500	500	0	500	500
1.96	Nguyễn Thị Nga	000101209546606	000101209546606	036184020245	12/07/2021	Thôn Hợp Thành, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0976619909	Việt nam	200	0	200	0	200	200
1.97	Nguyễn Thị Thanh Kim Huệ	221216509546609	221216509546609	042186002980	05/04/2021	Làng Bô Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0976619909	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.98	Nguyễn Thị Thảo	000101209546612	000101209546612	042164003222	18/09/2021	Thôn Hợp Thành, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0976619909	Việt nam	500	0	500	0	500	500
1.99	Nguyễn Thị Tư	000101609546575	000101609546575	052188002737	17/04/2021	Thôn Trầm Trầm, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0988374667	Việt nam	500	0	500	0	500	500
1.100	Nguyễn Thị Tư	181129206585847	181129206585847	231058748	06/05/2011	Thôn Hợp Nhứt, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0367340573	Việt nam	0	900	900	0	900	900
1.101	Nguyễn Thị Đoàn	181119106585730	181119106585730	194635191	27/02/2015	Thôn Hợp Nhứt, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0988154392	Việt nam	100	0	100	0	100	100
1.102	Nguyễn Thư Vũ	000101409546579	000101409546579	042081001406	10/04/2021	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0988374667	Việt nam	900	0	900	0	900	900
1.103	Nguyễn Tuấn Anh	000101609546581	000101609546581	042081002882	17/04/2021	Thôn Trầm Trầm, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0988374667	Việt nam	1.300	0	1.300	0	1.300	1.300
1.104	Nguyễn Văn Quê	000101106585840	000101106585840	231056596	18/10/2012	Thôn Văn Mỹ, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	01692862424	Việt nam	1.000	0	1.000	0	1.000	1.000
1.105	Nguyễn Văn Dũng	181130606585743	181130606585743	230556591	25/05/2015	Tổ 9, TT Chư Sê, Chư Sê, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0946424511	Việt nam	200	0	200	0	200	200
1.106	Nguyễn Văn Hà	180718126382141	180718126382141	230977680	16/04/2021	Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0984292626	Việt nam	0	147	147	0	147	147
1.107	Nguyễn Văn Hùng	180716126379606	180716126379606	230642026	11/10/2016	Thôn Chư Hui 6, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0387136179	Việt nam	0	2.000	2.000	0	2.000	2.000
1.108	Nguyễn Văn Khôi	181130206585738	181130206585738	230530488	28/03/2015	Thôn 1, Ia Pal, Chư Sê, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0369962269	Việt nam	1.800	0	1.800	0	1.800	1.800
1.109	Nguyễn Văn Thành	230316409546585	230316409546585	045073000522	19/04/2021	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0988374667	Việt nam	0	2.300	2.300	0	2.300	2.300
1.110	Nguyễn Văn Dôn	181130206585746	181130206585746	230572047	06/05/2016	Thôn 1, Ia Pal, Chư Sê, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0782733474	Việt nam	1.000	0	1.000	0	1.000	1.000
1.111	Ngô Quang Hùng	180716306379273	180716306379273	230600505	21/06/2010	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0935511736	Việt nam	0	147	147	0	147	147
1.112	Ngô Thị Loan	181130106585768	181130106585768	230621083	24/08/2015	Thôn Lập Thành, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0988374667	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.113	Ngô Văn Quyết	000101309546589	000101309546589	045071013881	15/08/2021	Thôn Trầm Trầm, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0988374667	Việt nam	700	0	700	0	700	700
1.114	Ngô Văn Tạc	181130306585794	181130306585794	230758728	20/11/2014	Thôn 1, Ia Pal, Chư Sê, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0365645271	Việt nam	0	1.000	1.000	0	1.000	1.000
1.115	PHÙNG THỊ PHÚ	160526125374562	160526125374562	079153000198	18/02/2016	27/3C - nhà Cống Trùng - Đồng Thành, Hồ Chí Minh	khuvuon06@gmail.com	0909091037	Việt nam	0	12	12	0	12	12
1.116	PHAM MINH TRỌNG	230913409546590	230913409546590	044080003251	17/04/2021	Thôn Trầm Trầm, Ia Bã, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0385887869	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.117	PHAM NGOC LONG	230912609546592	230912609546592	042076001514	10/04/2021	Thôn Hưng Bình Tân Hợp, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0985608016	Việt nam	0	2.000	2.000	0	2.000	2.000
1.118	PHAM THỊ HOA	221103109546593	221103109546593	030187013578	19/04/2021	Thôn Tân Hợp, Xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	01648159278	Việt nam	0	600	600	0	600	600
1.119	PHAM THỊ LIÊN	221114211774816	221114211774816	030178015991	13/01/2012	Thôn Hưng Bình, Xã Ia Yok, Huyện Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0364527529	Việt nam	600	0	600	0	600	600
1.120	PHAM THỊ MỸ HẢO	230912409546534	230912409546534	042193001245	10/04/2021	Thôn Hưng Bình Tân Hợp, Ia Yok, Ia Grai, Gia Lai	khongco(at)gmail.com	0973519840	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.121	Phan Văn Trung	000101506585838													

1.12	Phạm Văn Long	181119406585849	181119406585849	231059146	17/05/2011	Thôn Tân Hưng, xã Bà, la Grai, Gia Lai	01688610700	Việt nam	0	800	800	0	800	800
1.12	MAH MUÔI	231002013477110	231002013477110	064203013254	20/05/2020	Thôn Pết Tê A, la Sot, Phú Thiện, Gia Lai	0347500241	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.12	THAI HỮU PHONG	230912309546545	230912309546545	042071001241	06/04/2021	Thôn Hưng Bình Tân Hợp, la Yok, la Grai, Gia Lai	0976733050	Việt nam	0	1.700	1.700	0	1.700	1.700
1.12	TRƯƠNG THỊ HÀ	221103509546597	221103509546597	042174001353	06/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	01273611768	Việt nam	0	800	800	0	800	800
1.13	TRẦN HỮU TÀI	221114411774822	221114411774822	064096010456	13/01/2021	Thôn Chư Hên 3, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0385404641	Việt nam	100	0	100	100	0	100
1.13	TRẦN LÂM UY	230608109546599	230608109546599	044071002599	13/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, la Grai, Gia Lai	0395297339	Việt nam	0	1.700	1.700	0	1.700	1.700
1.13	TRẦN NGOC THIÊN	250228317347619	250228317347619	066099008943	24/07/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0975686372	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.13	TRẦN SỸ NGUYỄN	221111209546600	221111209546600	064095000764	10/04/2021	Thôn Văn Yên, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	01673222566	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.13	TRẦN THAI TRIÊU	211206008936385	211206008936385	079081006723	26/02/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0936448800	Việt nam	0	1.400	1.400	0	1.400	1.400
1.13	TRẦN THỊ DUYỀN	230612409546546	230612409546546	045190005129	28/06/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0985359344	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.13	TRẦN THỊ HIỀN	221103309546601	221103309546601	045184000413	31/03/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0984287011	Việt nam	0	200	200	0	200	200
1.13	TRẦN THỊ HOA	230906409546602	230906409546602	036179010074	10/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0379675420	Việt nam	0	400	400	0	400	400
1.13	TRẦN THỊ HẢI	230906509546603	230906509546603	042181001564	31/03/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0985541581	Việt nam	0	200	200	0	200	200
1.13	TRẦN THỊ KIM XUYẾN	230912609546604	230912609546604	064193000919	06/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0378148567	Việt nam	0	200	200	0	200	200
1.14	TRẦN THỊ LOAN	221103211742678	221103211742678	045177007324	19/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0362101521	Việt nam	600	0	600	600	0	600
1.14	TRẦN THỊ ĐOÀI	221027409546506	221027409546506	045179000456	10/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0981158347	Việt nam	0	400	400	0	400	400
1.14	TRẦN VĂN HOAN	230913509546507	230913509546507	040075005573	25/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0973320989	Việt nam	0	2.000	2.000	0	2.000	2.000
1.14	TRẦN VĂN SON	230914609546508	230914609546508	045071000940	17/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0343454489	Việt nam	0	1.200	1.200	0	1.200	1.200
1.14	Thái Văn Lợi	221215309546599	221215309546599	042076020698	28/06/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0982401777	Việt nam	0	400	400	0	400	400
1.14	Thái Văn Thắng	230316409546596	230316409546596	042074001661	10/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0982401777	Việt nam	0	2.000	2.000	0	2.000	2.000
1.14	Trình Cường	180716126379621	180716126379621	230777956	16/08/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	02693871985	Việt nam	0	47	47	0	47	47
1.14	Trương Văn Giáp	230703112778568	230703112778568	040084026093	10/05/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0326571046	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.14	Trần Hữu Toàn	000101609546598	000101609546598	045082000353	31/03/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0336980269	Việt nam	300	0	300	300	0	300
1.14	Trần Thị Bình	181130606585758	181130606585758	230617234	25/12/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0336980269	Việt nam	0	800	800	0	800	800
1.15	Trần Thị Giang	181008206546905	181008206546905	230617859	04/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	016533734342	Việt nam	0	600	600	0	600	600
1.15	Trần Thị Huệ	181008206546915	181008206546915	230617338	08/10/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	09353530342	Việt nam	400	0	400	400	0	400
1.15	Trần Thị Thủy	000101309546505	000101309546505	045176001347	29/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0974413068	Việt nam	1.100	0	1.100	1.100	0	1.100
1.15	Trần Đức Vinh	221215109546509	221215109546509	040475003150	05/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0974413068	Việt nam	0	2.000	2.000	0	2.000	2.000
1.15	Trịnh Quang Hưng	000101406442614	000101406442614	164037365	25/08/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0913292849	Việt nam	605.264	0	605.264	605.264	0	605.264
1.15	Trịnh Quang Hưng	240521412787070	240521412787070	038060035468	16/12/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0942657777	Việt nam	0	2.247.538	2.247.538	0	2.247.538	2.247.538
1.15	Trịnh Quang Vinh	240521414869694	240521414869694	037094002472	10/10/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0942657777	Việt nam	0	1.538.381	1.538.381	0	1.538.381	1.538.381
1.15	Ta Thị Văn Anh	181130106585792	181130106585792	230747772	05/03/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0905033086	Việt nam	100	0	100	100	0	100
1.15	Ta Thị Yên	181130506585735	181130506585735	230521718	08/10/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0932342649	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.15	TÔNG THỊ MÔ	230608209546510	230608209546510	036176010747	19/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0374053619	Việt nam	0	200	200	0	200	200
1.16	TỬ VĨ HUỆ	230314112226391	230314112226391	079078013038	12/02/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0909091037	Việt nam	0	52	52	0	52	52
1.16	Vĩ Thị Minh	000101106585829	000101106585829	230956216	06/08/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	01688141148	Việt nam	600	0	600	600	0	600
1.16	VÕ THỊ KIM LIÊN	221026309546511	221026309546511	051168001148	10/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0356771754	Việt nam	0	1.500	1.500	0	1.500	1.500
1.16	VÕ THỊ THANH HẢI	221027409546512	221027409546512	042178001485	10/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0394969610	Việt nam	0	1.000	1.000	0	1.000	1.000
1.16	VÕ THỊ THANH TÂM	221027509546547	221027509546547	049182000802	10/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0372020781	Việt nam	0	500	500	0	500	500
1.16	VÕ THỊ ĐÀO	221103609546548	221103609546548	045188006413	15/08/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0931873727	Việt nam	0	500	500	0	500	500
1.16	VÕ VĂN ĐỒNG	221103609546514	221103609546514	045091000252	31/03/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0967422567	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.16	VÕ XUÂN NGHỊ	221027109546515	221027109546515	042065010187	28/06/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0905485679	Việt nam	0	3.100	3.100	0	3.100	3.100
1.16	Võ Thành Sơn	181129406585771	181129406585771	230627198	05/12/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0357955579	Việt nam	300	0	300	300	0	300
1.16	Võ Thị Hồng Thảo	180719404497382	180719404497382	230861973	18/07/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0965225264	Việt nam	0	2	2	0	2	2
1.17	Võ Thị Thủy Dung	000101509546513	000101509546513	064190007337	28/06/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0353318207	Việt nam	400	0	400	400	0	400
1.17	Đinh Lê Trần	181130606585879	181130606585879	231269840	23/09/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0353318207	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.17	Đoàn Hữu Thành	000101209546516	000101209546516	042085003360	25/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0362184440	Việt nam	800	0	800	800	0	800
1.17	Đoàn Đức Lý	180720126441499	180720126441499	230959844	20/01/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0793686426	Việt nam	0	147	147	0	147	147
1.17	ĐÀO DUY QUỲNH	230906309546517	230906309546517	064086000714	06/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	01668845624	Việt nam	0	500	500	0	500	500
1.17	ĐÀO THỊ BÓN	221027409546518	221027409546518	033174005890	08/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0326397467	Việt nam	0	400	400	0	400	400
1.17	ĐÀO THỊ HẰNG	221114509546519	221114509546519	033178005804	19/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0904443547	Việt nam	0	300	300	0	300	300
1.17	Đào Mạnh Cường	221214109546549	221214109546549	036084016398	07/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0385578129	Việt nam	0	1.700	1.700	0	1.700	1.700
1.17	ĐÀU ĐÌNH PHƯỚC	221027109546521	221027109546521	040071003193	05/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0385578129	Việt nam	0	1.700	1.700	0	1.700	1.700
1.17	Đầu Thị Sen	000101609546520	000101609546520	040176007148	17/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0392786229	Việt nam	1.100	0	1.100	1.100	0	1.100
1.18	ĐẶNG THỊ NHAN	221027209546522	221027209546522	045177003710	28/06/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0934790965	Việt nam	0	1.200	1.200	0	1.200	1.200
1.18	ĐẶNG THỊ VĂN	230830309546523	230830309546523	042179012837	28/06/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0368652393	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.18	Đặng Thị Liên	181129306585882	181129306585882	231341775	23/08/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0979452964	Việt nam	900	0	900	900	0	900
1.18	Đặng Thị Năm	181129406585865	181129406585865	231156773	18/02/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0979452964	Việt nam	0	700	700	0	700	700
1.18	ĐỖ THÀNH THÔNG	221103409546524	221103409546524	064182004956	06/07/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0976655213	Việt nam	0	100	100	0	100	100
1.18	ĐỖ VĂN PHƯỚC	230608209546550	230608209546550	064096007800	12/07/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0976174546	Việt nam	0	500	500	0	500	500
1.18	Đỗ Thị Hạnh	000101509546525	000101509546525	064187001377	03/04/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0972084697	Việt nam	0	147	147	0	147	147
1.18	Đỗ Đức Thịnh	180720126441501	180720126441501	230291252	09/06/2021	Thôn Tân Hợp, xã la Yok, Huyện la Grai, Tỉnh Gia Lai	0972084697	Việt nam	0	147	147	0	147	147
Cộng										626.564	7.160.498	7.787.062	626.564	7.160.498
2. Tổ chức														
2.1	CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG NGUYỄN HƯNG	211203308930250	211203308930250	5901145497	02/06/2020	Thôn Út 2, xã la Bả, huyện la Grai, tỉnh Gia Lai	0334180121	Việt nam	0	3.389.238	3.389.238	0	3.389.238	3.389.238

HIGHLAND				truyện Cười FAN, tỉnh Gia Lai	(0114) 0908081 .com	ĐỀ THI						
Cộng							0	6.889.238	6.889.238		0	6.889.238
Cộng: Môi giới trong nước							626.564	14.049.736	14.676.300	626.564	14.049.736	14.676.300
TỔNG CỘNG							626.564	14.049.736	14.676.300	626.564	14.049.736	14.676.300

NGƯỜI LẬP

Trưởng phòng ĐKCK

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

KT. Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

Lưu ý (*): Quyền bỏ phiếu
Quyền mua
Tổng số lượng chứng khoán tối đa được phép đăng ký thực hiện
quyền

1 / 1

Digitally signed by

Trần Anh Dũng

Date: 2026.03.19

14:33:15 +07:00

Reason: Signed

Digitally signed by

Hồ Hải Yến

Date: 2026.03.19

15:29:21 +07:00

Reason: Signed

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
Công ty thành viên của JPA International
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp. HCM
Chi nhánh Đà Nẵng : 16 Lê Lai, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	07 - 08
4. Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	11 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Cà phê Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189678 ngày 13/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 28/06/2024.

Vốn điều lệ: 146.763.000.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2025: 146.763.000.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, Phường Thống Nhất, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
- Điện thoại : (84) 0269 3824760
- Fax : (84) 0269 3822487

Đơn vị trực thuộc: Công ty có 04 đơn vị trực thuộc (hạch toán phụ thuộc)

- Chi nhánh Ia Bă Địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Yok Địa chỉ: Thôn Lập Thành, xã Ia Hrug, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Grăng Địa chỉ: Thôn Làng Khóp, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Chư Sê Địa chỉ: Thôn Phú Cường, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai

3. Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán nông sản xuất khẩu (trừ mù cao su);
- Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp;
- Trồng cây cà phê;
- Rang và lọc cà phê, sản xuất các sản phẩm cà phê;
- Xuất nhập khẩu các loại cây giống, hạt giống, hàng nông sản các loại.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch	26/06/2024	
Ông Trịnh Đình Trường	P.Chủ tịch	26/06/2024	
Ông Nguyễn Công Tiến	Thành viên	26/06/2024	
Ông Trịnh Quang Vinh	Thành viên	28/04/2023	17/04/2025
Ông Phùng Ngọc Kim	Thành viên	28/04/2023	17/04/2025

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Đông Hưng	Trưởng ban	28/04/2023	
Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên	17/04/2025	
Bà Bùi Thị Bích Hương	Thành viên	28/04/2023	
Bà Bùi Thị Liễu	Thành viên	26/06/2024	17/04/2025

4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Tiến	Tổng Giám đốc	26/06/2024	
Ông Nguyễn Văn Quân	P.Tổng Giám đốc	26/06/2024	
Ông Lê Bá Hiếu	Kế toán trưởng	26/06/2024	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	26/06/2024	
Ông Nguyễn Công Tiến	Tổng Giám đốc	26/06/2024	

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 36.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Hội đồng quản trị

TRỊNH QUANG HƯNG

Chủ tịch

Gia Lai, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Số: 18/2026/BCKT/AUD-DNVVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2026, từ trang 07 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh V18.b về Vay và nợ thuê tài chính dài hạn, khoản vay dài hạn Công ty CP Chè Biên Hồ không có tài sản thế chấp. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định sử dụng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp cho Công ty để đảm bảo các khoản vay của Công ty CP Chè Biên Hồ (Bên liên quan – chung công ty đầu tư) tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai. Việc đảm bảo các khoản vay của công ty là bên liên quan như trên là chưa phù hợp với quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Như trình bày tại mục VIII.1 – Nợ tiềm tàng, khoản tiền thuê đất và phạt chậm nộp theo Thông báo của Cơ quan Thuế chưa được ghi nhận đầy đủ vào chi phí hoạt động các năm trước của Công ty, cụ thể:
 - Giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước là 7.754.365.354 đồng (tiền thuê đất) và 5.104.518.215 đồng (phạt chậm nộp).
 - Giai đoạn Công ty cổ phần (năm 2019) là 395.826.472 đồng (tiền thuê đất) và 368.799.753 đồng (phạt chậm nộp).

Khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước về tiền thuê đất này do 2 bên chưa thống nhất nghĩa vụ phải nộp, Công ty đã làm đơn khởi kiện Cục Trưởng cục thuế Tỉnh Gia Lai và hiện nay Tòa án nhân dân Tỉnh Gia Lai đã thụ lý vụ án này. Theo đó, số liệu này có thể ảnh hưởng đến Bảng cân đối kế toán (nếu có) tùy thuộc vào quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số VIII.5, Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại thời điểm 31/12/2025 lỗ lũy kế là (139.276.835.327) đồng, nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản ngắn hạn là 69.116.287.157 đồng. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết việc kinh doanh có lãi trong tương lai và đảm bảo hỗ trợ, tài chính từ các cổ đông để Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của Chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Tp. Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2026



Huỳnh Minh Hưng - Giám đốc Chi nhánh
Giấy CNDKHN số: 3402-2025-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Trần Quốc Bảo - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 5199-2026-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.950.739.861	14.946.725.832
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		827.041.588	4.304.624.152
1. Tiền	111	V.1	827.041.588	4.304.624.152
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.792.836.049	5.295.329.276
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	4.860.214.300	4.860.214.300
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	2.405.446	159.879.956
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	8.693.591.603	5.704.287.407
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(7.763.375.300)	(5.429.052.387)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	568.726.284	3.523.951.803
1. Hàng tồn kho	141		702.409.828	3.684.661.135
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(133.683.544)	(160.709.332)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.762.135.940	1.822.820.601
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	10.356.162	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.646.582.396	1.717.623.219
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	105.197.382	105.197.382
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		90.362.336.437	100.852.282.899
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		80.764.886.051	95.057.515.570
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	80.662.629.070	94.954.172.037
- Nguyên giá	222		344.111.774.935	369.130.677.361
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(263.449.145.865)	(274.176.505.324)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	102.256.981	103.343.533
- Nguyên giá	228		110.144.000	110.144.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.887.019)	(6.800.467)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.565.051.116	4.517.399.506
1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	8.565.051.116	4.517.399.506
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.032.399.270	1.277.367.823
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	1.032.399.270	1.277.367.823
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		99.313.076.298	115.799.008.731

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
2	1	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		91.327.374.099	94.064.382.175
I. Nợ ngắn hạn	310		78.067.027.018	71.314.307.818
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.305.744.903	550.048.630
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	30.050.000.000	14.700.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	108.554.320	3.044.512.727
4. Phải trả người lao động	314	V.14	776.423.008	1.056.523.008
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	26.591.405.983	22.920.597.047
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16a	237.584.528	27.965.057
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.102.464.876	3.060.061.949
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	15.894.849.400	25.954.599.400
II. Nợ dài hạn	330		13.260.347.081	22.750.074.357
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16b	402.159.081	491.886.357
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	12.858.188.000	22.258.188.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.985.702.199	21.734.626.556
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	7.486.164.673	20.753.274.342
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		146.763.000.000	146.763.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		146.763.000.000	146.763.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(139.276.835.327)	(126.009.725.658)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(126.009.725.658)	(105.534.672.863)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(13.267.109.669)	(20.475.052.795)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		499.537.526	981.352.214
1. Nguồn kinh phí	431		499.537.526	981.352.214
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		99.313.076.298	115.799.008.731

Gia Lai, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

LÊ BÁ HIẾU

Kế toán trưởng

LÊ BÁ HIẾU



Tổng Giám đốc

NGUYỄN CÔNG TIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thông Nhất, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Báo cáo kết quả kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

DVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	21.035.706.790	15.774.627.970
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		21.035.706.790	15.774.627.970
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	13.568.355.610	9.246.701.114
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.467.351.180	6.527.926.856
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	191.830.280	116.502.339
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.500.727.327	6.619.634.400
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.500.727.327	6.619.634.400
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	35.421.110	6.984.280
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.281.211.098	10.112.436.861
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(7.158.178.075)	(10.094.626.346)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	964.927.035	664.317.265
12. Chi phí khác	32	VI.8	7.073.858.629	11.044.743.714
13. Lợi nhuận khác	40		(6.108.931.594)	(10.380.426.449)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(13.267.109.669)	(20.475.052.795)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(13.267.109.669)	(20.475.052.795)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(904)	(1.395)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(904)	(1.395)

Người lập biểu

LÊ BÁ HIẾU

Kế toán trưởng

LÊ BÁ HIẾU

Gia Lai, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc

NGUYỄN CÔNG TIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

Địa chỉ: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Bảo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		34.899.348.530	31.390.823.061
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(3.235.663.015)	(1.344.320.167)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.509.426.843)	(2.373.191.112)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(1.835.418.391)	(9.190.713.950)
5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.13	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8.707.341.609	8.623.432.708
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(14.411.842.734)	(6.922.988.444)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.614.339.156	20.183.042.096
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.916.524.545)	(6.446.523.138)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		92.522.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	191.830.280	116.499.911
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.632.171.720)	(6.330.023.227)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	14.570.000.000	18.614.913.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(34.029.750.000)	(28.839.913.000)
5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(19.459.750.000)	(10.225.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(3.477.582.564)	3.628.018.869
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.304.624.152	676.605.283
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	827.041.588	4.304.624.152

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Gia Lai, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc

LÊ BÁ HIẾU

LÊ BÁ HIẾU

NGUYỄN CÔNG TIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa theo Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 09/04/2018 của UBND tỉnh Gia Lai từ Công ty TNHH Một thành viên Cà phê Gia Lai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900189678 ngày 13/09/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 28/06/2024.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và sản xuất nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán nông sản xuất khẩu (trừ mù cao su);
- Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp;
- Trồng cây cà phê;
- Rang và lọc cà phê, sản xuất các sản phẩm cà phê;
- Xuất nhập khẩu các loại cây giống, hạt giống, hàng nông sản các loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

So với năm trước, doanh thu năm nay tăng 33% nhưng giá vốn tăng 47% do giá bán bình quân giảm, điều này làm cho lợi nhuận gộp năm nay chỉ tăng 14%. Tuy nhiên nhờ quản lý phí phí tốt nên lỗ từ hoạt động kinh doanh năm nay giảm nhiều hơn so với năm trước.

Ngoài ra, không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Chi nhánh Ia Bă Địa chỉ: Thôn Hợp Nhất, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Yok Địa chỉ: Thôn Lập Thành, xã Ia Hrug, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Ia Grăng Địa chỉ: Thôn Làng Khóp, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai
- Chi nhánh Chư Sê Địa chỉ: Thôn Phú Cường, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai

7. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 30 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/01/2025 là 30 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 10 năm.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 25
Thiết bị dụng cụ quản lý	8
Vườn cây lâu năm	20

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất có thời hạn và lâu dài. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán cà phê nhân xô, vật tư nông nghiệp

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VND)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Tiền mặt tại quỹ	355.611.627	552.665.726
- Tiền gửi ngân hàng	471.429.961	3.751.958.426
Total	827.041.588	4.304.624.152

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.860.214.300</i>	<i>4.860.214.300</i>
- Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	4.860.214.300	4.860.214.300
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	4.860.214.300	4.860.214.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	2.405.446	159.879.956
- Hộ kinh doanh Giang Dịu	-	157.000.000
- Các đối tượng khác	2.405.446	2.879.956
Cộng	2.405.446	159.879.956

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.450.541.603	(2.903.161.001)	5.704.287.407	(568.838.087)
UBND huyện Chư Prông	175.025.874	-	447.375.948	-
Ông Võ Ngọc Hiếu	4.668.274.673	(2.334.137.337)	4.668.274.673	-
Phải thu khác	607.241.056	(569.023.664)	588.636.786	(568.838.087)
- Phải thu khác tại văn phòng	4.690.520	-	12.904.500	-
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Yok	34.211.757	(34.211.757)	34.211.757	(34.211.757)
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Bă	220.000	(220.000)	220.000	(220.000)
- Phải thu khác tại Chi nhánh Ia Grăng	534.294.983	(534.294.983)	534.294.983	(534.294.983)
- Phải thu khác tại Chi nhánh Chư sê	296.924	(296.924)	296.924	(111.347)
- Phải thu BHXH nộp thừa	33.526.872	-	6.708.622	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	3.243.050.000	-	-	-
Cộng	8.693.591.603	(2.903.161.001)	5.704.287.407	(568.838.087)

5. Dự phòng nợ phải thu khó đòi

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	4.860.214.300	4.860.214.300
Ông Võ Ngọc Hiếu	2.334.137.337	-
Các đối tượng khác	569.023.663	568.838.087
Cộng	7.763.375.300	5.429.052.387

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	5.429.052.387	568.726.740
Trích lập trong năm	2.335.026.913	4.860.325.647
Hoàn nhập trong năm	(704.000)	-
Số dư cuối năm	7.763.375.300	5.429.052.387

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	631.491.628	(133.683.544)	328.699.521	(160.709.332)
Thành phẩm	-	-	3.355.961.614	-
Hàng hóa	70.918.200	-	-	-
Cộng	702.409.828	(133.683.544)	3.684.661.135	(160.709.332)

- Trong đó, giá trị hàng tồn kho kém phẩm chất tại ngày 31/12/2025 là 133.683.544 đồng. Toàn bộ giá trị này đã được Công ty trích lập dự phòng số tiền tương ứng.
- Không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2025.

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	105.605.543.136	13.751.776.555	13.652.020.076	190.000.000	235.931.337.594	369.130.677.361
Tăng trong năm	-	543.000.000	1.305.650.000	-	-	1.848.650.000
- Do mua sắm	-	543.000.000	1.305.650.000	-	-	1.848.650.000
Giảm trong năm	-	(109.615.000)	(719.696.203)	-	(26.038.241.223)	(26.867.552.426)
- Do phá dỡ	-	-	-	-	(26.038.241.223)	(26.038.241.223)
- Do t/lý, nhượng bán	-	(109.615.000)	(719.696.203)	-	-	(829.311.203)
Số cuối năm	105.605.543.136	14.185.161.555	14.237.973.873	190.000.000	209.893.096.371	344.111.774.935
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.977.956.481	2.666.510.605	-	-	918.277.273	10.644.467.086
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	76.537.506.229	10.154.017.298	7.821.656.505	168.790.871	179.494.534.421	274.176.505.324
Khấu hao trong năm	2.924.996.144	878.131.561	1.442.036.090	12.475.932	3.933.264.246	9.190.903.973
Giảm trong năm	-	(92.335.418)	(685.246.995)	-	(19.140.681.019)	(19.918.263.432)
- Do phá dỡ	-	-	-	-	(19.140.681.019)	(19.140.681.019)
- Do t/lý, nhượng bán	-	(92.335.418)	(685.246.995)	-	-	(777.582.413)
Số cuối năm	79.462.502.373	10.939.813.441	8.578.445.600	181.266.803	164.287.117.648	263.449.145.865
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	29.068.036.907	3.597.759.257	5.830.363.571	21.209.129	56.436.803.173	94.954.172.037
Số cuối năm	26.143.040.763	3.245.348.114	5.659.528.273	8.733.197	45.605.978.723	80.662.629.070

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình có trên các quyền sử dụng đất được sử dụng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 7.520.004.758 đồng. (Xem Thuyết minh số V.18b)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Quyền sử dụng đất lâu dài	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	32.144.000	78.000.000	110.144.000
Tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	32.144.000	78.000.000	110.144.000
Trong đó:			
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử	-	-	-
- Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	6.800.467	-	6.800.467
Khấu hao trong năm	1.086.552	-	1.086.552
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	7.887.019	-	7.887.019
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	25.343.533	78.000.000	103.343.533
Số cuối năm	24.256.981	78.000.000	102.256.981

- **Quyền sử dụng đất có thời hạn:** Quyền sử dụng đất tại xã Ia Blang, huyện Chư Sê, Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA517987 ngày 23/02/2022, diện tích 268,3 m² đất trồng cây lâu năm tương ứng 32.144.000 đồng, thời hạn sử dụng đến tháng 4 năm 2047.
- **Quyền sử dụng đất lâu dài:** Quyền sử dụng đất tại xã Ia Blang, huyện Chư Sê, Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA517987 ngày 23/02/2022, diện tích 130 m² đất ở tương ứng 78.000.000 đồng.

Hiện nay Công ty vẫn chưa có kế hoạch sử dụng các quyền sử dụng đất này.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển trong năm	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang	4.517.399.506	4.047.651.610	-	8.565.051.116
+ Diện tích tài canh tại chi nhánh Ia Grăng	4.517.399.506	4.047.651.610	-	8.565.051.116
Total	4.517.399.506	4.047.651.610	-	8.565.051.116

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	9.287.760	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.068.402	-
Cộng	10.356.162	-

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	-	3.974.166
Tăng trong năm	34.665.700	-
Phân bổ trong năm	(24.309.538)	(3.974.166)
Số dư cuối năm	10.356.162	-

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa	101.931.666	32.465.067
Chi phí trả trước khác chờ phân bổ	43.724.976	29.736.928
Lợi thế kinh doanh	886.742.628	1.215.165.828
Cộng	1.032.399.270	1.277.367.823

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	1.277.367.823	1.585.682.118
Tăng trong năm	140.775.181	49.225.000
Phân bổ trong năm	(385.743.734)	(357.539.295)
Số dư cuối năm	1.032.399.270	1.277.367.823

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	773.802.353	-
Công ty CP Chè Biển Hồ	773.802.353	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	531.942.550	550.048.630
- Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cây hồ tiêu (*)	378.000.000	378.000.000
- Trần Văn Bình	-	88.790.600
- DNTN Cường Thành (*)	83.024.350	83.024.350
- Trần Thị Trí	-	233.680
- Phải trả khác	70.918.200	-
Cộng	1.305.744.903	550.048.630

(*) Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 461.024.350 đồng.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	20.050.000.000	4.700.000.000
Công ty CP Chè Biển Hồ	20.050.000.000	4.700.000.000
Công ty TNHH Long Sơn	10.000.000.000	10.000.000.000
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	-	-
Cộng	30.050.000.000	14.700.000.000

13. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	Số dư đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số dư cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	105.197.382	-	-	-	105.197.382	-
Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công	-	3.973.614	156.017.985	141.455.336	-	18.536.263
Thuế thu nhập cá nhân từ đầu tư vốn	-	181.628.684	79.501.358	256.816.373	-	4.313.669
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.692.899.577	1.084.111.334	3.777.010.911	-	-
Các loại thuế khác	-	49.230.002	33.886.206	18.318.198	-	64.798.010
Phí và lệ phí	-	116.780.850	17.058.090	112.932.562	-	20.906.378
Cộng	105.197.382	3.044.512.727	1.370.574.973	4.306.533.380	105.197.382	108.554.320

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Các mặt hàng nông sản Công ty tự sản xuất thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Các mặt hàng khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với thu nhập từ trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng), chế biến nông sản (bao gồm cả trường hợp hợp tác xã, doanh nghiệp mua bán sản phẩm nông sản, thủy sản về chế biến) được miễn thuế. Ưu đãi miễn thuế TNDN đối với hoạt động nêu trên được quy định tại điểm 1 điều 8 VBHN số 26 ngày 14/09/2015 của Bộ Tài chính.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(13.267.109.669)	(20.475.052.795)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	12.038.479.704	8.684.249.414
- Các khoản điều chỉnh tăng	12.038.479.704	8.684.249.414
+ Chi phí khấu hao xe ô tô đối với phần nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng và khấu hao Quyền sử dụng đất chưa sử dụng	1.124.172.536	1.123.085.984
+ Phạt vi phạm hành chính, lãi chậm nộp	28.858.090	86.502.430
+ Thù lao HĐQT không chuyên trách	519.272.728	455.900.000
+ Chi phí lãi vay vượt theo Nghị định 132/NĐ-CP	3.296.398.675	4.806.670.224
+ Chi phí không hợp lệ khác	7.069.777.675	2.212.090.776
Thu nhập chịu thuế	(1.228.629.965)	(11.790.803.381)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	(1.228.629.965)	(11.790.803.381)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

14. Phải trả người lao động

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền lương phải trả	741.423.008	1.003.523.008
Tiền thưởng HĐQT, BKS phải trả	35.000.000	53.000.000
Cộng	776.423.008	1.056.523.008

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Chi phí lãi vay, lãi nhận tiền ứng trước phải trả	26.508.905.983	22.843.597.047
Trong đó, lãi phải trả Công ty Cổ phần Cà phê Biên Hòa	25.109.104.333	20.614.847.833
Chi phí kiểm toán, tư vấn	82.500.000	77.000.000
Cộng	26.591.405.983	22.920.597.047

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**16. Doanh thu chưa thực hiện****a. Ngắn hạn**

	31/12/2025	01/01/2025
<i>Doanh thu chưa thực hiện với các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện với đối tượng khác</i>	237.584.528	27.965.057
- Công ty TNHH TH GLOBAL Việt Nam	161.394.771	-
- Các đối tượng khác	76.189.757	27.965.057
Cộng	237.584.528	27.965.057

b. Dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
<i>Doanh thu chưa thực hiện với các bên liên quan</i>	120.454.545	147.727.273
- Công ty CP Năng Lượng Nghĩa Hưng	120.454.545	147.727.273
<i>Doanh thu chưa thực hiện với các đối tượng khác</i>	281.704.536	344.159.084
- Công ty CP Novus Imperium Gia Lai 1	120.454.545	147.727.273
- Công ty TNHH Na Sơn Gia Lai	78.749.991	95.931.811
- Công ty CP Solcano	82.500.000	100.500.000
Cộng	402.159.081	491.886.357

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025	01/01/2025
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	3.102.464.876	3.060.061.949
Thuế TNCN thu thừa	141.986	-
BHXX, BHYT, BHTN thu trước	7.232.000	5.782.850
Phải trả về chế độ dôi dư	1.698.297.360	1.698.297.360
Phải trả Nhà nước về cổ phần hóa	1.041.882.332	1.041.882.332
Các khoản phải trả khác	354.911.198	314.099.407
- Phải trả khác tại văn phòng (*)	80.750.303	80.750.303
- Phải trả người dân tiền đo đạc, cắm mốc	233.349.104	233.349.104
- Phải trả khác tại chi nhánh	40.811.791	-
Cộng	3.102.464.876	3.060.061.949

(*) Trong đó có chi phí xăng xe, điện thoại phải trả cho Ban Giám đốc, kế toán trưởng và kiểm soát viên làm nhiệm vụ bàn giao sang Công ty cổ phần chưa được công ty chi trả số tiền: 19.754.802 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn là các bên liên quan	3.794.849.400	3.794.849.400	14.754.599.400	14.754.599.400
Vay ngắn hạn của cá nhân (Xem thuyết minh số VIII.2b)	3.794.849.400	3.794.849.400	14.754.599.400	14.754.599.400
- Trịnh Quang Hưng	-	-	6.259.750.000	6.259.750.000
- Trịnh Đình Trường	3.794.849.400	3.794.849.400	3.794.849.400	3.794.849.400
- Nguyễn Quang Hải	-	-	4.700.000.000	4.700.000.000
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả là các bên liên quan	10.900.000.000	10.900.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (Xem thuyết minh số VIII.2b)	10.900.000.000	10.900.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	15.894.849.400	15.894.849.400	25.954.599.400	25.954.599.400

- Vay ngắn hạn cá nhân khác theo các hợp đồng vay có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng. Mục đích vay là để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay là 7,8%/năm đến 8,4%/năm và không có tài sản thế chấp.

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn là các bên liên quan	12.858.188.000	12.858.188.000	22.258.188.000	22.258.188.000
- Công ty Cổ phần Chè Biển Hồ (Xem thuyết minh số VIII.2b)	12.858.188.000	12.858.188.000	22.258.188.000	22.258.188.000
Cộng	12.858.188.000	12.858.188.000	22.258.188.000	22.258.188.000

- Vay dài hạn Công ty CP Chè Biển Hồ theo các hợp đồng vay gồm:
 - + Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/2019-FGL/BHG ngày 25/03/2019 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2022-BHG/FGL ngày 01/07/2022. Số tiền vay: 12.500.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày ký, lãi suất vay 12,5%/năm.
 - + Hợp đồng nguyên tắc số 01/HĐNT/2018-FGL/BHG ngày 11/10/2018 và phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/2022-BHG/FGL ngày 01/07/2022. Số tiền vay: 20.206.000.000 đồng, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày ký, lãi suất vay 12,5%/năm.
 - + Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2023-BHG/FGL ngày 01/07/2023. Số tiền vay: 15.752.188.000 đồng với thời gian vay là 5 năm, lãi suất vay 12,5%/năm.
- (b) Tất cả các khoản vay của Công ty CP Chè Biển Hồ đều không có tài sản thế chấp hoặc bảo lãnh của bên thứ ba.

Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị Công ty đã có biên bản họp số 07/BB.HĐQT ngày 22/12/2022 về việc thống nhất thực hiện giao dịch với bên liên quan. Theo đó, Công ty sẽ sử dụng các tài sản hiện có là các Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất để thế chấp cho khoản vay nợ của Công ty CP Chè

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Biên Hồ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Gia Lai. Chi tiết các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được dùng để bảo đảm các khoản vay như sau:

TT	Tài sản	Địa chỉ	Mục đích
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517854	Tổ dân phố 2, Phường Thống Nhất, Tỉnh Gia Lai	Đất thương mại dịch vụ
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517909	Xã Ia Hrug, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517851	Xã Ia Hrug, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517834	Xã Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517905	Xã Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517906	Xã Ia Grai, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517901	Xã Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517902	Xã Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
9	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 517817	Xã Chư Sê, Tỉnh Gia Lai	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2024	146.763.000.000	(105.534.672.863)	41.228.327.137
Lợi nhuận trong năm	-	(20.475.052.795)	(20.475.052.795)
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	146.763.000.000	(126.009.725.658)	20.753.274.342
Số dư tại 01/01/2025	146.763.000.000	(126.009.725.658)	20.753.274.342
Lợi nhuận trong năm	-	(13.267.109.669)	(13.267.109.669)
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	146.763.000.000	(139.276.835.327)	7.486.164.673

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn góp
- Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-
- Cổ đông khác	100,00%	146.763.000.000	100,00%	146.763.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Legend Highland	23,85%	35.000.000.000	23,85%	35.000.000.000
+ Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	23,09%	33.892.380.000	23,09%	33.892.380.000
+ Bà Nguyễn Thị Thu Vân	19,60%	28.767.980.000	19,60%	28.767.980.000
+ Ông Trịnh Quang Hưng	19,44%	28.528.020.000	19,44%	28.528.020.000
+ Ông Trịnh Quang Vinh	10,48%	15.383.810.000	10,48%	15.383.810.000
+ Các cổ đông khác	3,54%	5.190.810.000	3,54%	5.190.810.000
Cộng	100,00%	146.763.000.000	100,00%	146.763.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	146.763.000.000	146.763.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	146.763.000.000	146.763.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.676.300	14.676.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu thường	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu thường	14.676.300	14.676.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(126.009.725.658)	(105.534.672.863)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	(13.267.109.669)	(20.475.052.795)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(139.276.835.327)	(126.009.725.658)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Nợ khó đòi đã xử lý

Tên đối tượng	31/12/2025	01/01/2025
Tại Chi nhánh Ia Pihin	2.745.540.295	2.745.540.295
Tại Chi nhánh Ia Bă	483.744.506	483.744.506
Các đối tượng khác	85.437.208	85.437.208
Tổng cộng	3.314.722.009	3.314.722.009

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cả phê xuất bán	20.477.255.336	15.524.446.096
Doanh thu bán vật tư, phân bón	123.798.194	115.692.382
Doanh thu khác	434.653.260	134.489.492
Cộng	21.035.706.790	15.774.627.970

Trong đó, doanh thu với các bên liên quan gồm:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cả phê xuất bán	-	9.552.130.000
Doanh thu khác	27.272.727	27.272.727
Cộng	27.272.727	9.579.402.727

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cả phê xuất bán	13.435.886.989	9.065.854.200
Giá vốn vật tư, phân bón, cây giống	119.144.209	113.270.914
Giá vốn khác	40.350.200	36.682.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(27.025.788)	30.894.000
Cộng	13.568.355.610	9.246.701.114

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	51.484	46.139
Lãi do người dân nộp khoản sản lượng chậm	191.778.796	116.453.772
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	2.428
Cộng	<u>191.830.280</u>	<u>116.502.339</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	5.500.727.327	6.619.634.400
Cộng	<u>5.500.727.327</u>	<u>6.619.634.400</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.421.110	6.984.280
Cộng	<u>35.421.110</u>	<u>6.984.280</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.712.563.436	2.395.748.863
Chi phí nguyên vật liệu, đồ dùng văn phòng	433.792.859	451.471.858
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.636.390.730	1.523.122.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	524.800.150	431.474.811
Dự phòng/hoàn nhập nợ phải thu khó đòi	2.334.322.913	4.860.325.647
Chi phí khác bằng tiền	1.639.341.010	450.293.662
Cộng	<u>9.281.211.098</u>	<u>10.112.436.861</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nợ sản phẩm thiếu khoản các vụ trước	914.678.100	583.151.700
Thu bồi thường hợp đồng	-	60.480.000
Nợ khó đòi đã xử lý nay thu được	-	20.685.565
Lãi thanh lý TSCĐ	40.793.755	-
Thu nhập khác	9.455.180	-
Cộng	<u>964.927.035</u>	<u>664.317.265</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại vườn cây bị phá dỡ	6.897.560.204	8.752.039.708
Chi phí tái canh, trồng cây chắn gió vườn cà phê không hiệu quả	-	2.043.157.576
Phạt vi phạm hành chính, lãi chậm nộp	28.858.090	86.502.430
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	147.440.335	163.044.000
Cộng	7.073.858.629	11.044.743.714

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.267.109.669)	(20.475.052.795)
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(13.267.109.669)	(20.475.052.795)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ	14.676.300	14.676.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(904)	(1.395)

Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.676.300	14.676.300
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	14.676.300	14.676.300

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(13.267.109.669)	(20.475.052.795)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(13.267.109.669)	(20.475.052.795)
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.676.300	14.676.300
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	(904)	(1.395)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	557.154.281	460.169.098
Chi phí nhân công	4.195.405.942	4.194.683.958
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.005.092.792	9.518.098.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	947.573.469	646.240.005
Chi phí khác bằng tiền	2.516.502.595	3.011.672.953
Cộng	<u>17.221.729.079</u>	<u>17.830.864.222</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	14.570.000.000	18.614.913.000
Cộng	<u>14.570.000.000</u>	<u>18.614.913.000</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chi các khoản đi vay theo kế ước thông thường	(34.029.750.000)	(28.839.913.000)
Cộng	<u>(34.029.750.000)</u>	<u>(28.839.913.000)</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Nợ tiềm tàng**

Theo Thông báo số 6796/TB-CCTKV14-KĐT ngày 09/06/2025 của Chi cục thuế khu vực XIV thì Công ty còn nợ tiền thuê đất và phạt chậm nộp của các năm trước như sau:

	Tiền thuê đất	Tiền chậm nộp	Cộng
Giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước	7.754.365.354	5.104.518.215	12.858.883.569
Giai đoạn Công ty cổ phần	395.826.472	368.799.753	764.626.225
Tổng cộng	8.150.191.826	5.473.317.968	13.623.509.794

Nguyên nhân khoản tiền này chưa được phản ánh vào BCTC các năm trước như sau:

- a. **Giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước:** là khoản tiền thuê đất phát sinh của giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước, không nằm trong phương án cổ phần hóa, không nằm trong hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- b. **Giai đoạn Công ty cổ phần:** Khoản chênh lệch là do Chi cục Thuế tính tiền thuê đất trên cả phần diện tích đất mà Công ty cổ phần đã bàn giao về cho địa phương quản lý.

Các vấn đề này công ty đã làm đơn khởi kiện Cục trưởng Cục Thuế Tỉnh Gia Lai vào ngày 19/07/2024 và hiện nay Tòa án nhân dân Tỉnh Gia Lai đang thụ lý vụ án.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

- a. **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2025			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	-	325.000.000	-	325.000.000
2	Trịnh Đình Trường	Phó CTHĐQT	-	108.000.000	-	108.000.000
3	Nguyễn Công Tiến	Thành viên HĐQT	360.000.000	39.000.000	-	399.000.000
4	Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT	-	18.909.091	-	18.909.091
5	Phùng Ngọc Kim	Thành viên HĐQT	-	10.636.364	-	10.636.364
6	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT	-	10.636.364	-	10.636.364
7	Trần Đông Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	-	39.000.000	-	39.000.000
8	Bùi Thị Liễu	Thành viên BKS	-	7.090.909	-	7.090.909
9	Bùi Thị Bích Hương	Thành viên BKS	92.500.000	26.000.000	-	118.500.000
10	Lê Bá Hiếu	Kế toán trưởng	168.000.000	-	-	168.000.000
11	Nguyễn Văn Quân	P.Tổng Giám đốc	240.000.000	-	-	240.000.000
	Tổng cộng		860.500.000	584.272.728	-	1.444.772.728

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2024			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT	327.541.500	196.300.000	-	523.841.500
2	Trịnh Đình Trường	Phó CTHĐQT	-	115.050.000	-	115.050.000
3	Nguyễn Công Tiến	Thành viên HĐQT	327.073.478	21.450.000	-	348.523.478
4	Phùng Ngọc Kim	Thành viên HĐQT	-	39.000.000	-	39.000.000
5	Trịnh Quang Vinh	Thành viên HĐQT	-	39.000.000	-	39.000.000
6	Trần Đông Hưng	Trưởng Ban kiểm soát	-	39.000.000	-	39.000.000
7	Bùi Thị Liễu	Thành viên BKS	-	14.300.000	-	14.300.000
8	Bùi Thị Bích Hương	Thành viên BKS	90.000.000	26.000.000	-	116.000.000
9	Lê Bá Hiếu	Kế toán trưởng	147.525.000	-	-	147.525.000
10	Nguyễn Văn Quân	P.Tổng Giám đốc	196.600.000	-	-	196.600.000
11	Lê Thị Vinh	Nguyên thành viên BKS	-	11.700.000	-	11.700.000
12	Phạm Văn Cường	Nguyên P.Tổng Giám đốc	36.000.000	17.550.000	-	53.550.000
	Tổng cộng		1.124.739.978	519.350.000	-	1.644.089.978

- b. **Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty con, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	Công ty đầu tư
Công ty CP Chè Biển Hồ	Cùng công ty đầu tư
Công ty TNHH Long Sơn	Thành viên ban lãnh đạo có quan hệ thân thuộc với Chủ tịch HĐQT
Trịnh Quang Hưng	Chủ tịch HĐQT
Trịnh Đình Trường	P.Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Công Tiến	Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Hải	Người có quan hệ thân thuộc với Chủ tịch HĐQT

Doanh thu với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Chè Biển Hồ	-	9.552.130.000
Doanh thu cà phê xuất bán	-	9.552.130.000
Doanh thu khác	-	-
Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng	27.272.727	27.272.727
Doanh thu khác	27.272.727	27.272.727
	<u>27.272.727</u>	<u>9.579.402.727</u>

Giao dịch khác với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
Công ty CP Chè Biển Hồ		
- Mua vật tư nông nghiệp	2.278.175.000	-
- Trả nợ vay	8.500.000.000	10.000.000.000
- Trả lãi vay	-	4.800.000.000
Công ty TNHH Long Sơn		
- Người mua trả tiền trước	-	10.000.000.000
Trịnh Đình Trường		
- Cho vay	-	3.314.913.000
- Trả nợ vay	-	3.134.913.000
Trịnh Quang Hưng		
- Cho vay	10.950.000.000	8.900.000.000
- Trả nợ vay	17.209.750.000	13.700.000.000
Nguyễn Quang Hải		
- Cho vay	-	4.700.000.000
- Trả nợ vay	4.700.000.000	-
Nguyễn Công Tiến		
- Cho vay	850.000.000	-
- Trả nợ vay	850.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2025	01/01/2025
Công ty CP Chè Biển Hồ		
Phải trả người bán	773.802.353	-
Người mua trả tiền trước	20.050.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	10.900.000.000	10.000.000.000
Vay dài hạn	12.858.188.000	22.258.188.000
Lãi tiền vay, tiền nhận ứng trước phải trả	25.109.104.333	20.614.847.833
Công ty CP Năng lượng Nghĩa Hưng		
Phải thu khách hàng	4.860.214.300	4.860.214.300
Công ty TNHH Long Sơn		
Người mua trả tiền trước	10.000.000.000	10.000.000.000
Trịnh Đình Trường		
Vay ngắn hạn	3.794.849.400	3.794.849.400
Lãi tiền vay	721.040.400	420.931.200
Trịnh Quang Hưng		
Vay ngắn hạn	-	6.259.750.000
Lãi tiền vay	103.591.250	1.327.548.014
Nguyễn Quang Hải		
Vay ngắn hạn	-	4.700.000.000

3. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Cà phê	Bán vật tư, phân bón	Hoạt động khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	20.477.255.336	123.798.194	434.653.260	21.035.706.790
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.477.255.336	123.798.194	434.653.260	21.035.706.790
Giá vốn bộ phận	13.408.861.201	119.144.209	40.350.200	13.568.355.610
Lợi nhuận gộp bộ phận	7.068.394.135	4.653.985	394.303.060	7.467.351.180
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	15.524.446.096	115.692.382	134.489.492	15.774.627.970
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.524.446.096	115.692.382	134.489.492	15.774.627.970
Giá vốn bộ phận	9.096.748.200	113.270.914	36.682.000	9.246.701.114
Lợi nhuận gộp bộ phận	6.427.697.896	2.421.468	97.807.492	6.527.926.856

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện tại Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI

97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Tại ngày 31/12/2025, lỗ lũy kế là (139.276.835.327) đồng, nợ ngắn hạn của Công ty cũng vượt quá tài sản ngắn hạn là 69.116.287.157 đồng. Theo đó, khả năng hoạt động liên tục của Công ty phụ thuộc vào hoạt động có lãi trong tương lai và/hoặc sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Báo cáo tài chính này không bao gồm bất kỳ một sự điều chỉnh nào liên quan đến khả năng thu hồi và phân loại lại giá trị tài sản đã ghi nhận hoặc liên quan đến giá trị hoặc phân loại lại các khoản nợ phải trả, được coi là cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Gia Lai, ngày 20 tháng 03 năm 2026

LÊ BÁ HIẾU
Người lập biểu

LÊ BÁ HIẾU
Kế toán trưởng

NGUYỄN CÔNG TIẾN
Tổng Giám đốc